

Bản án số: 199/2017/HSST

Ngày: 18/7/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Bá Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Bảo Hồng.

2/ Ông Đoàn Văn Rỹ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Khá – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 201/2017/HSST ngày 24 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo:

Lê Khải Đ; giới tính: Nam; sinh ngày: 30/11/1998; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: đường Ba Đình, Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không nơi ở nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; con ông Lê Khải Đ1 và bà Võ Ngọc Thu V (chết); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/8/2015 Lê Khải Đ (chưa đủ 18 tuổi) thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”, ngày 24/12/2015 Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giam là 03 tháng 23 ngày, thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 08 tháng 07 ngày. Thời gian thử thách 02 năm kể từ ngày tuyên án.

Bị bắt tạm giam ngày từ 16/3/2017 cho đến nay. (có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Anh Đỗ Thành P, sinh năm: 1984; nơi cư trú: đường Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ NLQ1, sinh năm: 1986; nơi cư trú: đường Ba Đình, Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt tại phiên tòa)

2/ NLQ2, sinh năm: 1972; nơi cư trú: đường Lê Đình Cẩn, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt tại phiên tòa)

3/ NLQ3; sinh năm: 1979; nơi cư trú: Lê Đức Thọ, Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lê Khải Đ bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố hành vi phạm tội như sau:

Lê Khải Đ là đối tượng không có nghề nghiệp, từ ngày 15/01/2017 Đ đề ý thấy trước nhà 831 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8 có dựng xe gắn máy biển số 51R7-7912 của anh Đỗ Thành P không người trông coi, nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt đem bán lấy tiền tiêu xài, nhưng kể bên là nhà 833 có NLQ2 bán sim điện thoại hay nhìn sang nên Đ không dám chiếm đoạt. Khoảng 19 giờ ngày 17/01/2017 Đ phát hiện tại địa chỉ nói trên cũng dựng xe gắn máy biển số 51R7-7912, xe khóa cẩn thận nhưng không người trông coi, Đ muốn chiếm đoạt nên đến tiệm game bắn cá trên đường Ba Đình, Phường 10, Quận 8 gặp và giả vờ rủ NLQ1 đi chơi (thực sự là Đ muốn chở NLQ1 đến tiệm bán sim điện thoại 833 để nhờ NLQ1 vào mua sim điện thoại nhằm che mắt NLQ2, đánh lạc hướng để Đ lấy xe), NLQ1 đồng ý và mượn xe gắn máy (không rõ biển số) của Chia (không rõ lai lịch). Đ chở NLQ1 đến trước nhà số 831 Hưng Phú thì Đ đưa cho NLQ1 40.000 đồng kêu NLQ1 mua dùm Đ sim điện thoại tại tiệm của NLQ2. Đ xuống xe đi đến dừng cây kim loại hình chữ L mang theo sẵn trong người mở được khóa xe biển số 51R7-7912, rồi quay lại nói cho NLQ1 biết đã mở khóa xe và kêu NLQ1 lấy trộm, nhưng NLQ1 không đồng ý, Đ liền nói với chị NLQ2 “Bà thấy gì thì im, không được la, la tôi chém” rồi Đ lên xe 51R7-7912 nổ máy chạy thoát. NLQ1 cũng điều khiển xe về trả cho tên Chia. Sau khi lấy được xe Đ điều khiển đến gửi ở bãi giữ xe gầm cầu Nguyễn Tri Phương, Quận 5, rồi đến tiệm game bắn cá trên đường Ba Đình, Phường 10 gặp tên Tùng (không rõ lai lịch) nói mới lấy trộm xe, đưa phiếu gửi xe cho Tùng đến lấy xe đem bán được 4.000.000 đồng, đến khoảng 21 giờ ngày 17/01/2017 Tùng đưa cho Đ 2.500.000 đồng. Đ chia cho NLQ1 1.250.000 đồng nói tiền bán xe được nhưng NLQ1 không nhận. Đ đã tiêu xài hết 2.500.000 đồng.

Đến khoảng 20 giờ ngày 17/01/2017 anh Đỗ Thành P phát hiện bị mất trộm tài sản nên đến Công an Phường 9, Quận 8 trình báo sự việc.

Xe gắn máy biển số 51R7-7912 do NLQ3 (chị ruột anh P) đứng tên giấy đăng ký xe, xe do anh P bỏ tiền ra mua, anh P nhờ NLQ3 đứng tên giữ.

Ngày 16/02/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 kết luận: Xe gắn máy biển số 51R7-7912 có giá trị 16.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự anh Đỗ Thành P yêu cầu Lê Khải Đ bồi thường bằng trị giá xe gắn máy biển số 51R7-7912 là 16.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 199/CT-VKS ngày 19/5/2017 Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Lê Khải Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa,

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Bị cáo cho rằng bị cáo chỉ nói với NLQ2 “Bà thấy gì thì im, không được la” để chiếm đoạt được tài sản.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 20 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 08 tháng 07 ngày tù tại bản án số 308/2015/HSST ngày 24/12/2015 của Tòa án nhân dân Quận 8 theo khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, các điều 50, 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ nên không đề cập giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Khải Đ thừa nhận: Ngày 17/01/2017, tại trước số nhà 831 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Đ nhờ NLQ1 đi qua tiệm điện thoại kế bên (nhà số 833 Hưng Phú) mua sim điện thoại, mục đích để T che mắt NLQ2 (người bán điện thoại) để Đ có điều kiện lén lút đến chiếm đoạt xe biển số 51R7-7912 dựng trước nhà 381 Hưng Phú. Sau khi lấy được xe, Đ thấy NLQ2 nhìn thấy, liền nói “Bà thấy gì thì im, không được la”. Rồi Đ lên xe điều khiển đi. NLQ1 không biết mục đích trộm xe của Đ và không đồng ý tham gia.

Qua định giá, chiếc xe bị chiếm đoạt trị giá 16.500.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét thấy, sau khi mở được khóa xe, bị cáo kêu NLQ1 lấy đi, NLQ1 không đồng ý, bị cáo thấy NLQ2 nhìn thấy, liền nói “Bà thấy gì thì im, không được la”, hành vi của bị cáo là cố ý thực hiện tội phạm đến cùng, đây là tình tiết tăng nặng

trách nhiệm hình sự theo điểm e khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu. Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét thấy, ngày 24/12/2015, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân Quận 8 tuyên án xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giam là 03 tháng 23 ngày, thời hạn tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 08 tháng 07 ngày. Thời gian thử thách 02 năm kể từ ngày tuyên án theo bản án số 308/2015/HSST của Tòa án nhân dân Quận 8. Như vậy, tính đến ngày 17/01/2017, ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lần này thì chưa hết 02 năm thời gian thử thách, do đó, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, cần phải tổng hợp với hình phạt của bản án nêu trên theo các điều 50, 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đỗ Thành P yêu cầu bồi thường 16.500.000 đồng. Căn cứ vào kết quả định giá, yêu cầu của anh P là có căn cứ. Căn cứ điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 589 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh P 16.500.000 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Theo điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 825.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Khải Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, các điều 50, 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009),

Xử phạt bị cáo Lê Khải Đ 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 08 (tám) tháng 07 (bảy) ngày tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 308/2015/HSST ngày 24/12/2015 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/3/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

Buộc bị cáo Lê Khải Đ bồi thường cho anh Đỗ Thành P 16.500.000 (mười sáu triệu năm trăm nghìn) đồng, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Đỗ Thành P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo Lê Khải Đ còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, 825.000 (tám trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- PC.53;
- Sở Tư pháp Tp.Hồ Chí Minh;
- Đội CSBV&HTTP, NTG Quận 8;
- Đội CSĐT THCA Quận 8;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án. (15)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Bá Hiệp